

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành
Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Dương Văn M, sinh năm 14/01/1984 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn M kết hôn ngày 24/8/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống cùng gia đình nhà chồng được 03 ngày thì do mâu thuẫn nên chị đã về nhà mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay. Anh M sau đó cũng lên ở với chị trên gia đình nhà ngoại. Năm 2019 anh M đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và anh M vẫn gửi tiền về cho mẹ con chị sinh hoạt hàng ngày nhưng một khoảng thời gian sau thì anh chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về địa chỉ của anh Dương Văn M ở bên nước ngoài thì chị không biết do chị đã lâu không liên lạc. Chị có tìm thông tin thông qua thân nhân anh Dương Văn M nhưng không cung cấp được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ của anh Dương Văn M thông qua thân nhân của anh Dương Văn M là ông Dương Ngọc B, bà Hoàng Thị N. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là Dương Ngọc D, sinh ngày 06/01/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn M hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Dương Văn M đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của anh M.

Ngày 23/4/2012 và ngày 11/5/2021, Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh M là ông Dương Ngọc B, sinh năm 1959. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang có quan điểm trình bày như sau:

Ông là bố đẻ của anh Dương Văn M có địa chỉ như trên, hiện nay anh M đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh M ở nước ngoài thì ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để anh M gửi quan điểm về thì gia đình ông không thực hiện được. Về việc chị P xin ly hôn thì anh M có quan điểm trao đổi là:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Dương Ngọc D, sinh ngày 06/01/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị P. Ly hôn chị P đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng thì anh M không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

* *Tại phiên tòa*, chị Nguyễn Thị P xin vắng mặt, anh Dương Văn M vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Dương Văn M.

Về con chung: Do anh M đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao con chung là cháu Dương Ngọc D, sinh ngày 06/01/2018 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị P không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: chị P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với anh Dương Văn M. Bị đơn anh Dương Văn M là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 7920/QLXNC-P5 ngày 05/4/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh-Bộ Công an cung cấp thì anh Dương Văn M đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 30/01/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam;

không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh M. Như vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do bị đơn anh Dương Văn M đang ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn anh Dương Văn M không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã hai lần yêu cầu người thân anh M cung cấp địa chỉ nhưng gia đình từ chối cung cấp. Căn cứ hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, thì đây được coi là trường hợp anh Dương Văn M cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn M theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị P, anh M.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Theo như chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Dương Văn M kết hôn ngày 24/8/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn thì chị về làm dâu và sống cùng gia đình nhà chồng được 03 ngày thì do mâu thuẫn nên chị đã về nhà mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay. Anh M sau đó cũng lên ở với chị trên gia đình nhà ngoại. Năm 2019 anh M đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và anh M vẫn gửi tiền về cho mẹ con chị sinh hoạt hàng ngày nhưng một khoảng thời gian sau thì anh chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử thấy: Chị Nguyễn Thị P và anh Dương Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2017 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay chị Nguyễn Thị P và anh Dương Văn M mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Nguyễn Thị P và anh Dương Văn M đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Dương Văn M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Dương Văn M.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Dương Văn M có 01 con chung là Dương Ngọc D, sinh ngày 06/01/2018. Hiện nay con chung đang ở với chị P. Ly hôn chị P đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị P, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh M đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Do đó anh M không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Con chung từ khi anh M đi lao động nước ngoài vẫn do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu D phát triển bình thường. Do vậy yêu cầu được nuôi con chung của chị P là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao con chung Dương Ngọc D, sinh ngày 06/01/2018 cho chị Nguyễn Thị P là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị P không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị Nguyễn Thị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Dương Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Dương Ngọc D, sinh ngày 06/01/2018 cho chị Nguyễn Thị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Dương Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Anh Dương Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị P không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0000022 ngày 16/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Văn M hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã T, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

